

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022

(ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT)

NGHỊ QUYẾT

**Về một số cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực Y tế,
giai đoạn 2022 – 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014;

Căn cứ Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: Số 22/2020/TT-BYT ngày 02 tháng 12 năm 2020 quy định về quản lý thuốc kháng HIV được mua sắm tập trung cấp quốc gia sử dụng nguồn quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV có thể bảo hiểm y tế; số 27/2018/TT-BYT ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Bộ Y tế về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến HIV/AIDS;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành một số cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực Y tế, giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực Y tế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022 – 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về Y tế - Dân số, các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

b) Các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

c) Người nhiễm HIV/AIDS thuộc đối tượng quản lý tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh chưa có thể bảo hiểm y tế, trừ người thuộc nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 12 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

d) Người nhiễm HIV/AIDS có thể bảo hiểm y tế được hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc ARV là những người nhiễm HIV/AIDS tham gia điều trị ARV tại các cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh, trừ phạm nhân nhiễm HIV/AIDS tại trại tạm giam, trại giam.

đ) Người bệnh tâm thần điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh không thuộc đối tượng hộ nghèo.

e) Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả, theo đúng quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

2. Đối với một nội dung hỗ trợ của tỉnh được quy định ở nhiều chính sách thì đối tượng thụ hưởng chỉ được hỗ trợ một chính sách với mức cao nhất.

Điều 3. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

1. Chính sách hỗ trợ thêm ngoài lương:

a) Mức 2.000.000 đồng/người/tháng đối với:

- Bác sỹ, dược sỹ đại học công tác trong các cơ quan quản lý nhà nước về y tế;

- Bác sỹ, dược sỹ đại học công tác tại: Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Tâm thần;

- Bác sỹ làm việc thường xuyên, liên tục trong lĩnh vực: Truyền nhiễm, cấp cứu, hồi sức cấp cứu, giải phẫu bệnh thuộc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Giám định viên Pháp y.

- Bác sỹ công tác tại: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; lĩnh vực y tế dự phòng thuộc các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố.

b) Mức 750.000 đồng/người/tháng đối với Bác sỹ công tác lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế/Bệnh viện đa khoa huyện, thị xã, thành phố;

c) Mức 1.500.000 đồng/người/tháng đối với Bác sỹ công tác tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thuộc các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ của đơn vị;

- Danh sách phê duyệt quỹ tiền lương của năm trước liền kề năm đề nghị hỗ trợ. Nếu đơn vị có đối tượng được hưởng bổ sung thì kèm theo quyết định thuyên chuyển, tiếp nhận, tuyển dụng ...

đ) Quy trình thực hiện:

Trước ngày 30 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị hỗ trợ, các đơn vị lập danh sách kèm theo văn bản số đối tượng được hưởng chính sách gửi về Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo gửi tới các đơn vị nêu rõ lý do.

Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách đề nghị hỗ trợ trước ngày 15/01 hàng năm.

2. Chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn y

a) Bác sỹ công tác tại các cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh, tuyến huyện theo phân cấp quản lý được Sở Nội vụ ban hành Quyết định cử đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn y thời gian từ 03 tháng đến 12 tháng học tập trung tại các trường đại học trong nước, các cơ sở y tế tuyến Trung ương, được hỗ trợ 50% học phí theo quy định của cơ sở đào tạo nhưng tối đa không quá:

- 5.000.000 đồng/người/khóa học có thời gian từ 03 tháng đến dưới 6 tháng.

- 10.000.000 đồng/người/khóa học có thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng.

b) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần ngay sau khi hoàn thành khóa học và nhận Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận.

3. Các đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm thực hiện quy định về đào tạo cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện quy chế đào tạo và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia khóa học; thực hiện quy định về đền bù chi phí đào tạo áp dụng theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản pháp luật khác.

4. Đối tượng là nữ được hưởng thêm 05% mức hỗ trợ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này.

5. Chính sách hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho các cơ sở y tế công lập từ tuyến tỉnh đến tuyến xã.

a) Bố trí kinh phí hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập từ tuyến tỉnh đến tuyến xã, tối thiểu 50 tỷ đồng/năm (ưu tiên đầu tư chống xuống cấp cơ sở vật chất; mua sắm thay thế trang thiết bị hư hỏng làm ảnh hưởng đến công tác cung ứng dịch vụ tại các cơ sở y tế công lập).

b) Hỗ trợ kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin như sau:

- Bệnh viện/trung tâm y tế có giường bệnh mức hỗ trợ 500.000 đồng/01 giường bệnh kế hoạch/năm.

- Trạm y tế mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/1 trạm y tế/năm.

Điều 4. Chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành Y tế Hà Tĩnh

1. Hỗ trợ nhóm đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế:

Người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP nếu còn đủ 01 tuổi đến dưới 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ hai mươi năm trở lên, ngoài chính sách được hưởng theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP được tinh hỗ trợ như sau:

a) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

b) Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

2. Hỗ trợ nhóm đối tượng nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động: Người không thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP), nếu đủ điều kiện nghỉ hưu theo Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019), ngoài chính sách quy định còn được tinh hỗ trợ như sau:

a) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

b) Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương;

c) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019).

3. Tiền lương và thời gian để tính chế độ hỗ trợ thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương có thẩm quyền về phương pháp tính toán các chính sách tinh giản biên chế.

4. Nhóm đối tượng được hỗ trợ đào tạo lại: Công chức, viên chức thuộc diện dôi dư được rà soát theo vị trí việc làm, xem xét cử đi đào tạo lại để bố trí việc làm phù hợp. Điều kiện đào tạo lại: Công chức, viên chức không quá 40 tuổi tính từ thời điểm cử đi đào tạo, được cơ quan, đơn vị xem xét cử đi đào tạo lại. Quyền lợi và mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Quyền lợi: Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

b) Được hỗ trợ chi phí dịch vụ đào tạo;

c) Được hỗ trợ tiền mua tài liệu bắt buộc;

d) Được hỗ trợ chi phí đi lại theo giá xe khách tại thời điểm đi học, có khoảng cách từ cơ quan đến nơi học tập từ 25 km trở lên, mỗi năm đi học hỗ trợ 02 lượt đi và về.

5. Hồ sơ và quy trình đề nghị hưởng chính sách tại khoản 1, 2 Điều 4.

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ của cơ quan, đơn vị:

- Văn bản đề nghị giải quyết chính sách của cơ quan, đơn vị; biên bản họp cơ quan về việc xét duyệt các đối tượng đề nghị hỗ trợ chính sách.

- Bản duyệt quỹ tiền lương của đơn vị có đối tượng nghị chính sách.

- Hồ sơ cá nhân đề nghị hưởng chính sách:

+ Đơn xin đề nghị hưởng chính sách (theo phụ lục 2 gửi kèm);

+ Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận;

+ Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động, quyết định lương, phụ cấp (nếu có);

+ Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động: Ngoài các văn bản trên, cung cấp bản sao công chứng giấy chứng nhận suy giảm khả năng lao động; Quyết định nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Quy trình thực hiện:

- Đơn vị có đối tượng đề nghị hỗ trợ nộp 03 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo quy định về Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 03 hàng tháng.

- Căn cứ vào hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách của đơn vị; trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, tổng hợp gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính; trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc Sở Nội vụ thẩm định đối tượng hỗ trợ gửi Sở Tài chính; trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Văn bản thông báo gửi tới đơn vị có đối tượng xin hỗ trợ nêu rõ lý do.

- Sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp kinh phí cho Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được kinh phí thực hiện cấp về cho đơn vị. Đơn vị căn cứ vào kinh phí được cấp trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế và hỗ trợ cùng chi trả thuốc kháng vi rút HIV (thuốc ARV) cho người nhiễm HIV/AIDS

1. Hỗ trợ 100% mức đóng thẻ bảo hiểm y tế và 100% chi phí cá nhân cùng chi trả thuốc ARV cho các đối tượng quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

2. Hồ sơ, quy trình, thủ tục hỗ trợ thẻ Bảo hiểm Y tế và hỗ trợ cùng chi trả thuốc kháng vi rút HIV (thuốc ARV) cho người nhiễm HIV/AIDS.

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Có kết quả xét nghiệm khẳng định nhiễm HIV/AIDS từ các cơ sở xét nghiệm được Bộ Y tế cấp phép;

- Có giấy tờ tùy thân, hộ khẩu sinh sống trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Hồ sơ bệnh án điều trị bằng thuốc kháng vi rút HIV (thuốc ARV) tại cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

b) Quy trình thực hiện hỗ trợ thẻ Bảo hiểm Y tế:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh thuộc Sở Y tế làm đầu mối thống kê số lượng bệnh nhân đủ tiêu chuẩn hỗ trợ thẻ Bảo hiểm Y tế, định kỳ trước ngày 25 tháng 12 hàng năm lập dự trù kinh phí năm tiếp theo gửi Sở Y tế để được phê duyệt;

- Cơ sở điều trị HIV/AIDS kiểm tra thông tin người được hỗ trợ, cung cấp tờ khai cho đối tượng (Phục lục 2) và trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc lập danh sách gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh; trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh giải quyết và gửi thẻ Bảo hiểm Y tế cho cơ sở điều trị HIV/AIDS để trả cho bệnh nhân;

- Định kỳ 03 (ba) tháng, cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp số lượng thẻ Bảo hiểm Y tế đã cấp đồng thời gửi hồ sơ, thủ tục đề nghị thanh toán cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;

- Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đối chiếu số lượng, thủ tục thanh toán để chuyển kinh phí cho cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh.

c) Quy trình thực hiện hỗ trợ kinh phí đồng chi trả thuốc kháng vi rút HIV (ARV)

Trước ngày 30 của tháng cuối quý, các cơ sở điều trị HIV/AIDS tổng hợp kinh phí gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh căn cứ số lượng, chịu trách nhiệm thanh toán cho cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh trước ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh có Văn bản thông báo gửi tới cơ sở điều trị nêu rõ lý do.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ đối với người bệnh tâm thần điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh không thuộc đối tượng hộ nghèo

1. Người bệnh Tâm thần điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh không thuộc đối tượng hộ nghèo được hỗ trợ tiền ăn bằng 3% mức lương cơ sở/người bệnh/ngày.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn xin hỗ trợ chi phí điều trị bệnh (theo mẫu Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

- Bản sao giấy ra viện.

- Bản sao thẻ Bảo hiểm y tế còn giá trị sử dụng cho đến thời điểm ra viện.

Trường hợp không có thẻ Bảo hiểm y tế thì nộp bản sao Chứng minh nhân dân.

Các đối tượng nộp 01 bộ hồ sơ, khi nộp hồ sơ phải đem theo toàn bộ các bản chính để người tiếp nhận đối chiếu, xác nhận bản sao.

3. Quy trình thực hiện:

- Các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ theo quy định này thì nơi tiếp nhận hồ sơ và thực hiện việc hỗ trợ tiền ăn là Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh.

- Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh phải thực hiện việc thanh toán các chi phí hỗ trợ cho đối tượng theo đúng quy định này.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh có Văn bản thông báo gửi tới đối tượng hoặc người nhà đối tượng được hưởng chính sách nêu rõ lý do.

- Định kỳ, đến ngày 05 tháng đầu quý liền sau, Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh tổng hợp hồ sơ, chứng từ phát sinh của quý trước, trình Sở Y tế để Sở Y tế trình UBND tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí thực hiện.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết: Số 144/2015/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 178/2019/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm cho người nhiễm HIV/AIDS chưa có thẻ bảo hiểm y tế và mức hỗ trợ chi phí cùng chi trả thuốc ARV cho người nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020 - 2025 và những năm tiếp theo tại tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bãi bỏ Điều 5 Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành Y tế Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

Điều 9. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị Quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng 8 năm 2022 ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;

CHỦ TỊCH

- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Y tế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH – HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh:
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI

Hưởng chính sách theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi:

Tên tôi là (chữ in hoa): Nam (nữ):
 Ngày tháng năm sinh:
 Đơn vị công tác (khoa/phòng):
 Chức vụ, chức danh công tác:
 Trình độ chuyên môn:
 Mã số ngạch hiện hưởng:
 Số sổ BHXH:
 Tổng thời gian đóng BHXH:

Sau khi nghiên cứu Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành, Nghị định số [108/2014/NĐ-CP](#), ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [108/2014/NĐ-CP](#) ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số [113/2018/NĐ-CP](#) ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [108/2014/NĐ-CP](#) ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày /7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về một số cơ chế, chính sách lĩnh vực Y tế, giai đoạn 2022 - 2025. Tôi làm Đơn này kính đề nghị xem xét cho tôi được nghỉ hưu trước tuổi theo điểm điều số/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh kể từ ngày tháng năm

Kính mong xem xét, tạo điều kiện để Tôi được nghỉ hưu trước tuổi và hưởng chế độ theo quy định./.

....., ngày tháng năm 202.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
THAM GIA, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ

I. Áp dụng đối với người tham gia tra cứu không thấy mã số BHXH do cơ quan BHXH cấp

[01]. Họ và tên (*viết chữ in hoa*)[02]. Giới tính:

[03]. Ngày, tháng, năm sinh: [04]. Quốc tịch: Việt Nam

[05]. Dân tộc: Kinh.....[06]. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

[07]. Điện thoại:.....[08]. Email (nếu có):

[09]. Nơi đăng ký khai sinh: [09.1]. Xã:..... [09.2]. Huyện:.....

[09.3]. Tỉnh: Hà Tĩnh.....

[10]. Họ tên cha/mẹ/giám hộ (*đối với trẻ em dưới 6 tuổi*):

[11]. Địa chỉ nhận kết quả: [11.1]. Số nhà, đường/phố, thôn/xóm:

[11.2]. Xã:.....[11.3]. Huyện:..... [11.4].

Tỉnh: Hà Tĩnh

[12]. Kê khai Phụ lục Thành viên hộ gia đình (phụ lục kèm theo) đối với người tham gia tra cứu không thấy mã số BHXH và người tham gia BHYT theo hộ gia đình để giảm trừ mức đóng.

II. Áp dụng đối với người tham gia đã có mã số BHXH đề nghị đăng ký, điều chỉnh thông tin ghi trên sổ BHXH, thẻ BHYT

[13]. Mã số BHXH:..... [14]. Điều chỉnh thông tin cá nhân:.....

[14.1]. Họ và tên (*viết chữ in hoa*): [14.2]. Giới tính:

[14.3]. Ngày, tháng, năm sinh: [14.4]. Nơi đăng ký khai sinh:

[14.5]. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:\..... Số điện thoại:

[15]. Mức tiền đóng: [16]. Phương thức đóng:

[17]. Nơi đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu:

[18]. Nội dung thay đổi, yêu cầu khác:

[19]. Hồ sơ kèm theo (*nếu có*):

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ

Hà Tĩnh, ngày tháng năm

Người kê khai

.....
.....
.....
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ tiền ăn điều trị nội trú

Kính gửi: Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh

Tên tôi là sinh năm

Địa chỉ (xã, phường, thị trấn):

huyện, thành phố, thị xã, tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại (nếu có):

Tôi mắc bệnh

Thuộc đối tượng:

Thời gian điều trị:

Nơi điều trị:

Đề nghị hỗ trợ tiền ăn trong quá trình điều trị nội trú theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày /7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cho đợt điều trị này là: đồng

Đề nghị được hỗ trợ kinh phí theo quy định hiện hành./.

....., ngày tháng năm.....

Người viết đơn
(ký, ghi rõ họ tên)

DỰ KIẾN KINH PHÍ
Thực hiện Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực Y tế,
giai đoạn 2022 – 2025
(Phần ngân sách tỉnh/1 năm)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung cần hỗ trợ kinh phí	Dự kiến số kinh phí/năm theo chính sách sửa đổi, bổ sung	Kinh phí/năm theo chính sách NQ 144, NQ 94, NQ 178	Kinh phí/năm tăng thêm
	TỔNG	71,246,768,000	49,949,293,000	21,297,475,000
I	Chính sách ưu đãi	15,470,000,000	9,067,525,000	6,402,475,000
1	Hỗ trợ cán bộ đi luân phiên có thời hạn: Từ tỉnh xuống huyện (1490.000 đồng x 1,5) x 03 người/tháng x 15 đợt/năm	0	100,575,000	-100,575,000
2	Hỗ trợ cán bộ đi luân phiên có thời hạn: Từ vùng có điều kiện kinh tế - xã hội không khó khăn đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện có năng lực chuyên môn đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện có nhu cầu bằng 1,0 lần mức lương cơ sở/ người/ tháng (1490.000 đồng x 1) x 03 người/tháng x 15 đợt/năm	0	67,050,000	-67,050,000
3	Chính sách mời chuyên gia về đào tạo, chuyên giao kỹ thuật	0	0	0
4	Hỗ trợ thêm ngoài lương cho Bác sỹ, dược sỹ đại học công tác tại: Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Tâm thần; Bác sỹ làm việc thường xuyên, liên tục trong lĩnh vực Truyền nhiễm, cấp cứu, hồi sức cấp cứu, giải phẫu bệnh thuộc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Giám định viên Pháp y: 103 người x 2.000.000đ/tháng x 12 tháng	2,472,000,000	972,000,000	1,500,000,000
5	Hỗ trợ thêm ngoài lương cho bác sỹ công tác tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; lĩnh vực Y tế dự phòng thuộc các Trung tâm Y tế tuyến huyện; 115 người x 2.000.000đ/tháng x 12 tháng	2,760,000,000	1,840,000,000	920,000,000
6	Hỗ trợ bác sỹ công tác tại Trạm Y tế tuyến xã: 206 x 1.500.000đ/tháng x 12 tháng	3,708,000,000	3,708,000,000	0
7	Hỗ trợ bác sỹ công tác tại Trung tâm Y tế/bệnh viện tuyến huyện: 530 x 750.000đ/tháng x 12 tháng x 0,5	4,770,000,000	1,117,500,000	3,652,500,000

8	Được sĩ đại học công tác tại: Trung tâm Y tế/bệnh viện đa khoa các huyện: Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê: 14 người x (6.000.000 đ/tháng x 30%) x 12 tháng	0	302,400,000	-302,400,000
9	Hỗ trợ phụ cấp đặc thù cho cán bộ (bác sỹ, dược sỹ đại học) làm công tác quản lý Nhà nước ngành Y tế: 40 người x 2.000.000đ/tháng x 12 tháng	960,000,000	960,000,000	0
10	Chính sách hỗ trợ đào tạo chuyên khoa ngắn hạn, đào tạo chuyển giao theo gói kỹ thuật, thời gian từ 03 tháng đến 12 tháng.	600,000,000	0	600,000,000
11	Chính sách hỗ trợ đối với đối tượng là nữ được hưởng thêm 05% mức hỗ trợ được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 3 của dự thảo Nghị quyết.	200,000,000	0	200,000,000
II	Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển	54,267,000,000	39,982,000,000	14,285,000,000
1	Bố trí đủ nguồn vốn đối ứng để đầu tư hoàn thành dự án cải tạo, nâng cấp, xây dựng các cơ sở y tế đã và đang triển khai; bố trí đủ vốn đối ứng cam kết các dự án vay vốn ưu đãi (ODA) và nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương giai đoạn 2016 - 2020. Ngân sách tỉnh đã bố trí đối ứng giai đoạn 2011 - 2015 là 110,483 tỷ, còn thiếu 50,081 tỷ đồng và bố trí đối ứng giai đoạn 2016 - 2020 là 45,912 tỷ đồng, mỗi năm bố trí 19,2 tỷ đồng.	0	0	0
2	Chính sách vay vốn các tổ chức tín dụng được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ lãi suất: Hàng năm bố trí kinh phí hỗ trợ 50% lãi suất đầu tư đối với các khoản vay trung, dài hạn cho các bệnh viện (bao gồm cả bệnh viện tư) trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn vay vốn của các tổ chức tín dụng hoặc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện các đề án, dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác khám chữa bệnh (theo cam kết đầu tư). Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa là 05 năm và tổng mức vay không quá 300 tỷ trong giai đoạn 2016 - 2020.	0	0	0
3	Hàng năm, hỗ trợ kinh phí xây dựng Trạm Y tế tuyến xã: Bình quân 14 Trạm Y tế xã/ năm (cơ cấu 50% ngân sách tỉnh; 20% ngân sách huyện; 30% ngân sách xã và các nguồn huy động hợp pháp khác). Tiêu chí, thứ tự ưu tiên đầu tư xây dựng Trạm Y tế do Sở Y tế tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.	0	9,982,000,000	-9,982,000,000

4	<p>5. Chính sách hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho các cơ sở y tế công lập từ tuyến tỉnh đến tuyến xã.</p> <p>a) Bố trí kinh phí hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập từ tuyến tỉnh đến tuyến xã, tối thiểu 50 tỷ đồng/năm (ưu tiên đầu tư chống xuống cấp cơ sở vật chất; mua sắm thay thế trang thiết bị hư hỏng làm ảnh hưởng đến công tác cung ứng dịch vụ tại các cơ sở y tế công lập).</p> <p>b) Hỗ trợ kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viện/trung tâm y tế có giường bệnh hỗ trợ 500.000 đồng/01 giường bệnh kế hoạch/năm (500.000đ x 3350 = 1.675.000.000đ) - Trạm y tế hỗ trợ 12.000.000 đồng/1 trạm y tế/năm (12.000.000 x 216 = 2.592.000.000đ) 	50,000,000,000	30,000,000,000	20,000,000,000
III	Chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành Y tế Hà Tĩnh.	300.000.000	500.000.000	-200.000.000
IV	<p>Chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế và hỗ trợ cùng chi trả thuốc kháng vi rút HIV (thuốc ARV) cho người nhiễm HIV/AIDS</p> <p>+ Hỗ trợ mua thẻ BHYT: 330 x 804.600 đồng = 265.518.000 đồng;</p> <p>+ Hỗ trợ đồng chi trả thuốc ARV: 134.250.000 đồng</p>	399,768,000	399,768,000	0
V	<p>Chính sách hỗ trợ đối với người bệnh tâm thần điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh không thuộc đối tượng hộ nghèo:</p> <p>1.200 lượt BN x 45.000đ/ ngày x 15 ngày/đợt.</p>	810,000,000		810,000,000